

Bản án số: 474/2022/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 4 - 2022

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Thị Lệ

2. Bà Võ Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa: Ông Trần Gia Hậu– Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022, về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2022/QĐXXST –HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thùy D; địa chỉ: Số 6, đường N, ấp 5 xã K, huyện B, Thành phố H (*Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

2. *Bị đơn:* Ông Kha Quốc H; hộ khẩu thường trú: Số 51 đường Thiên Dương, Phường 1, quận G, Thành phố H (*vắng mặt*).

Hiện tại: Chấp hành án phạt tù tại trại giam A, huyện C, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp ngày 21 tháng 01 năm 2022 cùng các tài liệu chứng cứ nguyên đơn trình bày:

Bà Phạm Thùy D và ông Kha Quốc H tự nguyện sống chung năm 2014, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 1, quận G Thành phố H, thời gian sống chung ông H không quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ công việc gia đình nên mâu thuẫn từ năm 2015 và sống ly thân. Hiện tại bà D cho rằng hôn nhân gia đình không còn yêu

thương, cuộc sống chung không hạnh phúc, yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Kha Quốc H.

Về con chung: Bà Phạm Thùy D xác định không có con chung với ông K.

Tài sản chung: Bà D xác định không có.

Biên bản tự khai ngày 16 tháng 3 năm 2022, ông Kha Quốc H trình bày:

Ông H tự nguyện sống chung với bà Phạm Thùy D và kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân Phường 1, quận G vì công việc nên mâu thuẫn gia đình trầm trọng, năm 2015 ông H sống ly thân và không còn tình cảm với bà D. Thống nhất yêu cầu ly hôn với bà D.

Về con chung: Ông H xác định không có con chung với bà D.

Về tài sản chung: Ông H xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G phát biểu ý kiến.

Về giải quyết và xét xử vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và bị đơn có hộ khẩu thường trú, tại quận G. Căn cứ các Điều 28 và 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố H.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bà Phạm Thùy D và ông Kha Quốc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Xét thấy, bà Phạm Thùy D và ông Kha Quốc H tự nguyện sống chung đăng ký kết hôn số 45 ngày 12/6/2014 tại Ủy ban nhân dân Phường 1, quận G, Thành phố H. Nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, bà D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H được qui định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình là có căn cứ giải quyết.

Cuộc sống hôn nhân giữa bà Phạm Thùy D và ông Kha Quốc H sống ly thân từ năm 2015 hiện bà D và ông H không còn tình cảm, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Hội đồng xét thấy mâu thuẫn gia đình giữa bà D và ông H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà Phạm Thùy D và ông Kha Quốc H không có con chung.

Tài sản chung: Không có

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà D phải nộp tiền án phí HNST là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thùy D.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thùy D được ly hôn ông Kha Quốc H (Giấy chứng nhận kết hôn số 45 ngày 12/6/2014 tại Ủy ban nhân dân Phường 1, quận G, Thành phố H hết hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Không có

- Tài sản chung: Tòa án không giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thùy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai thu số 0047554 ngày 13/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố H. Bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận;

- TANDTPH;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Viện kiểm sát;
- Chi cục THA QG;
- UBND nơi ĐKKH
- Các đương sự;
- LưuVP, hồ sơ.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)